

APPLYING THE FLIPPED CLASSROOM MODEL TO TEACHING GEOGRAPHY 11 AT HIGH SCHOOL

Do Thi Thu Ha*, Nguyen Thi Ha Phuong

Ho Chi Minh City University of Education

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	21/7/2023	In the context of educational innovation in both domestic and international settings, it has been determined that teachers need to change their teaching methods and organization to attract active participation of students in the classroom throughout the learning process. This article presents the process of applying the flipped classroom model to teaching Geography 11 at high school, analyzing the advantages and disadvantages of the model in the teaching process. At the same time, the author conducted pedagogical experiments to test the feasibility of applying the flipped classroom model to teaching Geography 11. Through the research results, the author found that applying the flipped classroom model not only helps enhance students' interest in learning and interaction but also helps students actively seek and absorb knowledge, thereby improving learning outcomes.
Revised:	12/9/2023	
Published:	12/9/2023	
KEYWORDS		
Geography 11		
Model		
Flipped Classroom		
Process		
Active		

ÁP DỤNG MÔ HÌNH LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC VÀO DẠY HỌC ĐỊA LÍ 11 TẠI TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Đỗ Thị Thu Hà*, Nguyễn Thị Hà Phương

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	21/7/2023	Trong bối cảnh đổi mới giáo dục trong nước và quốc tế hiện nay đã xác định giáo viên cần phải thay đổi cách thức, tổ chức dạy học nhằm thu hút sự tham gia tích cực của học sinh trong lớp trong suốt quá trình học tập. Bài viết này trình bày quy trình áp dụng mô hình lớp học đảo ngược vào dạy học Địa lí 11 tại trường phổ thông, phân tích ưu và nhược điểm của mô hình trong quá trình giảng dạy. Đồng thời, tác giả tiến hành thực nghiệm sư phạm nhằm kiểm tra tính khả thi của việc áp dụng mô hình lớp học đảo ngược vào dạy học Địa lí 11. Thông qua kết quả nghiên cứu, tác giả nhận thấy, việc áp dụng mô hình lớp học đảo ngược không chỉ giúp tăng cường hứng thú học tập, tương tác của học sinh, mà còn giúp học sinh chủ động trong việc tìm kiếm và tiếp thu tri thức, từ đó nâng cao kết quả học tập.
Ngày hoàn thiện:	12/9/2023	
Ngày đăng:	12/9/2023	
TỪ KHÓA		
Địa lí 11		
Mô hình		
Lớp học đảo ngược		
Quy trình		
Tích cực		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8384>

* Corresponding author. Email: hadtt@hcmue.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Với sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học 4.0 và sự tiến bộ nhanh chóng của công nghệ đã tác động mạnh mẽ đến lĩnh vực giáo dục cũng như các lĩnh vực khác trong đời sống. Song song với tốc độ phát triển của công nghệ thông tin, điều kiện và nhu cầu học tập khác nhau cũng đã xuất hiện [1], điều đó đã đặt các nhà giáo dục vào tình thế phải đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học sao cho phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và bối cảnh thực tiễn của xã hội.

Trong lớp học đảo ngược (LHĐN), mọi thứ được thực hiện theo cách khác: Giáo viên (GV) cung cấp bài giảng dưới dạng video clip trước khi lên lớp cho học sinh (HS) và dành thời gian trong lớp để thu hút HS vào các hoạt động học tập liên quan đến sự hợp tác và tương tác. Các hoạt động học tập thụ động như nghe giảng một chiều được đẩy ra bên ngoài giờ học, thay thế bằng các hoạt động học tập tích cực trên lớp [2], trong nghiên cứu của mình tác giả Fezile Ozdamli đã gọi LHĐN là một phương hướng sư phạm sáng tạo đột phá [1], với sự giúp sức của công nghệ, HS có thể làm quen với nội dung học tập tại nhà thông qua video clip, tài nguyên học tập và thực hành nội dung đó ở trên lớp [3]. LHĐN cho phép GV hiện đại hóa các hoạt động học tập bằng cách kết hợp công nghệ thông tin và truyền thông vào việc giảng dạy trước, trong và sau các buổi học [4]. Theo Merve Gorkem Zeren, LHĐN có nhiều tác động tích cực hơn đối với kết quả học tập và quá trình nhận thức của HS so với các lớp học truyền thống, nó giúp HS tăng hứng thú học tập, khả năng tương tác và tính tự giác cao [5]. Ở LHĐN, HS chuyển từ trạng thái thụ động tiếp nhận kiến thức sang vị thế chủ động tìm kiếm tri thức [1], HS được học theo tốc độ của chính mình, có sự tương tác nhiều hơn với GV và bạn bè, tích cực đưa ra các câu hỏi và các ý kiến phản hồi [3].

Mô hình LHĐN đã và đang nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà giáo dục trên thế giới. Năm 2007, nghiên cứu của tác giả Jeremy F. Strayer đã làm nổi bật tầm quan trọng của việc chú trọng tới việc các hoạt động trên lớp và ngoài lớp học sẽ ảnh hưởng tiêu cực hoặc tích cực tới việc tham gia học của HS [6]. S.A. Ezeudu và G.O. Gbendu đã đánh giá tác động của mô hình LHĐN đối với thái độ HS trong môn học Địa lí tại trường phổ thông, nghiên cứu đã chỉ ra rằng mô hình LHĐN giúp nâng cao thái độ tích cực của HS đáng kể so với các lớp học truyền thống [7]. Ngoài ra, M. G. Zeren và cộng sự cũng đã nghiên cứu về các yếu tố tác động đến nhận thức của sinh viên khi tham dự mô hình LHĐN, trong nghiên cứu, tác giả kết luận mô hình LHĐN thúc đẩy học tập độc lập, tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề cho sinh viên đại học chuyên ngành Địa lí [5].

Không chỉ được các nhà giáo dục trên thế giới quan tâm, mà ở Việt Nam cũng đã có không ít các công trình nghiên cứu về mô hình LHĐN, tác giả Nguyễn Quốc Vũ và Lê Thị Minh Khanh đã phân tích tác dụng của mô hình LHĐN sẽ giúp người học tăng tính tự chủ, học tập tốt hơn [8]. Tác giả Vũ Văn Tuấn đã tiến hành thực nghiệm (TN) và đưa ra kết luận rằng việc áp dụng mô hình LHĐN đã mang lại nhiều hiệu quả tích cực đối với người học không những chỉ kiến thức trên lớp mà còn thay đổi trạng thái tâm lý, tạo tâm lí thoải mái cho sinh viên khi tham gia học tập [9]. Tác giả Trần Thị Bích Hòa đã phân tích vai trò của mô hình LHĐN trong xu thế chuyển đổi số của giáo dục, nêu lên sự cần thiết của việc sử dụng phương pháp dạy học hiện đại nói chung và mô hình LHĐN nói riêng [10].

Kế thừa từ các thành tựu nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước, tác giả nhận thấy rằng các đề tài đều đã có cái nhìn tổng quan về vai trò cũng như chức năng, tác động của mô hình LHĐN đến thái độ và nhận thức của HS. Tuy nhiên, chưa có công trình nào đi sâu vào việc xây dựng quy trình dạy học theo mô hình LHĐN trong môn Địa lí. Vì vậy bài viết này tập trung nghiên cứu về việc xây dựng quy trình áp dụng mô hình LHĐN trong dạy học Địa lí lớp 11 tại trường phổ thông nhằm nâng cao kết quả học tập của HS, từ đó phân tích ưu và nhược điểm của mô hình trong quá trình giảng dạy.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu nhằm xây dựng nên quy trình áp dụng mô hình LHĐN trong dạy học Địa lí 11, phương pháp sử dụng công nghệ

thông tin và truyền thông trong việc tổ chức lớp học và xây dựng tư liệu dạy học, phương pháp TN, phương pháp khảo nghiệm nhằm đánh giá hiệu quả của việc áp dụng mô hình LHĐN trong dạy học Địa lí 11.

Cụ thể, về phương pháp nghiên cứu tài liệu, tác giả thu thập, nghiên cứu các bài báo, tài liệu lý luận nhằm xây dựng quy trình áp dụng mô hình LHĐN một cách đầy đủ, toàn diện. Đồng thời, tác giả ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong việc xây dựng lên lớp học trực tuyến giúp GV giao trước các nhiệm vụ, tài liệu học tập cho HS, hỗ trợ thiết kế tư liệu dạy học: bài giảng điện tử, videos, Infographic phục vụ việc học tập trước khi lên lớp của HS.

Về phương pháp TN, tác giả tiến hành TN trên một lớp TN và một lớp đối chứng (ĐC), đồng thời tác giả sử dụng phương pháp khảo nghiệm nhằm đánh giá về thái độ của HS khi tham dự tiết học theo mô hình LHĐN tại lớp TN, sau khi thu thập được kết quả TN, tác giả sử dụng phương pháp thống kê toán học (phần mềm SPSS) để xử lý và phân tích kết quả. Từ đó rút ra những ưu và nhược điểm của mô hình, chỉnh sửa nhằm đưa ra một quy trình áp dụng mô hình LHĐN vào dạy học Địa lí 11 ở trường phổ thông chặt chẽ và đồng bộ.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Quan điểm về mô hình LHĐN

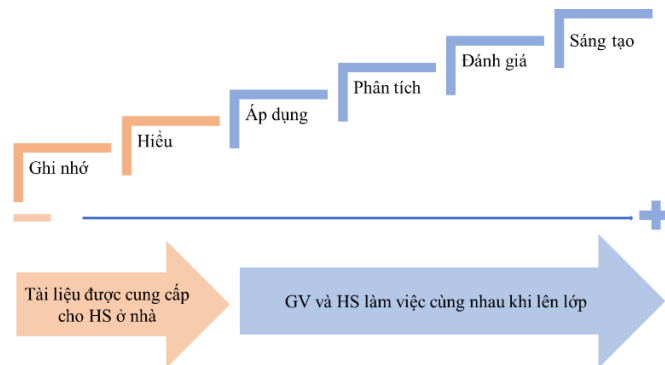
Khái niệm LHĐN được phát triển từ những năm 1970, tuy nhiên việc áp dụng mô hình LHĐN mới thực sự phổ biến trong những năm gần đây trong giáo dục nhờ sự hỗ trợ đắc lực của khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin. Theo Ozdamli, F. & Asiksoy trong Tiếng Anh LHĐN được viết là “Flip” được giải thích với ý nghĩa:

- F (“F”lexible Environment): Sự linh hoạt về thời gian và địa điểm học tập.
- L (“L”earning Culture): Trong cách tiếp cận truyền thống lấy GV làm trung tâm, nguồn kiến thức là GV. Trong LHĐN, có sự chuyển đổi vị trí trong lớp học, từ việc lấy GV làm trung tâm sang HS làm trung tâm trong quá trình giáo dục.
- I (“I”ntentional Content): Sự liên mạch trong giáo dục và phát triển tư duy cho HS.
- P (“P”rofessional Educator): Trách nhiệm của những nhà giáo dục trong LHĐN nhiều hơn so với lớp học truyền thống. Các nhà giáo dục trong LHĐN liên tục quan sát HS trong suốt quá trình học tập, đánh giá việc học tập của HS và đưa ra phản hồi kịp thời [1].

Theo S. Vereş, A-D. Muntean, LHĐN là mô hình giảng dạy theo mô hình dạy học kết hợp, trong đó HS tiếp thu kiến thức mới sau khi xem video clip, tài liệu được đăng trên các trang web, phim hoạt hình, các bài thuyết trình PowerPoint và thực hiện các hoạt động tại nhà dựa trên mức kiến thức biết và hiểu. Trong giờ học, HS tích cực tham gia vào các hoạt động nhằm khắc sâu kiến thức dưới sự hướng dẫn của GV [11].

Theo B. Mull, mô hình LHĐN là một mô hình lớp học mà trong đó người học phải tự học tại nhà bằng việc xem videos, nghe tệp âm thanh bài giảng, đọc các tài liệu, ghi chép những thông tin quan trọng liên quan đến buổi học, suy ngẫm các câu hỏi liên quan giữa vấn đề bài học và các kiến thức người học đã biết trước đây, sau đó đặt câu hỏi cho GV thông qua mạng xã hội, trên lớp học, GV sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề, HS cùng làm việc với nhau để trả lời các câu hỏi, GV lắng nghe và tương tác với các cá nhân, nhóm khi cần thiết [12].

Theo P. Giménez & F. Jesús, K. Ay & G. Dağhan, cơ sở mô hình LHĐN theo thang nhận thức của Bloom theo các mức độ: Ghi nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo (Hình 1). Trong LHĐN, các hoạt động kỹ năng ở mức độ thấp là ghi nhớ và hiểu được thực hiện tại nhà, HS có cơ hội tiếp cận với các hoạt động đòi hỏi cường độ nhận thức cao hơn ở trên lớp. Mô hình LHĐN tập trung đưa các nội dung ở bậc thấp hơn trong thang phân loại Bloom ra khỏi lớp học trực tiếp (ghi nhớ, hiểu) và phân bổ thời gian trong lớp cho việc học tập ở cấp độ cao hơn (áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo). Điều này trái ngược hoàn toàn đối với lớp học truyền thống trước kia, nơi mà các nội dung ở mức độ thấp được thực hiện trên lớp và HS giải quyết các nội dung ở mức độ cao hơn tại nhà [13], [14].

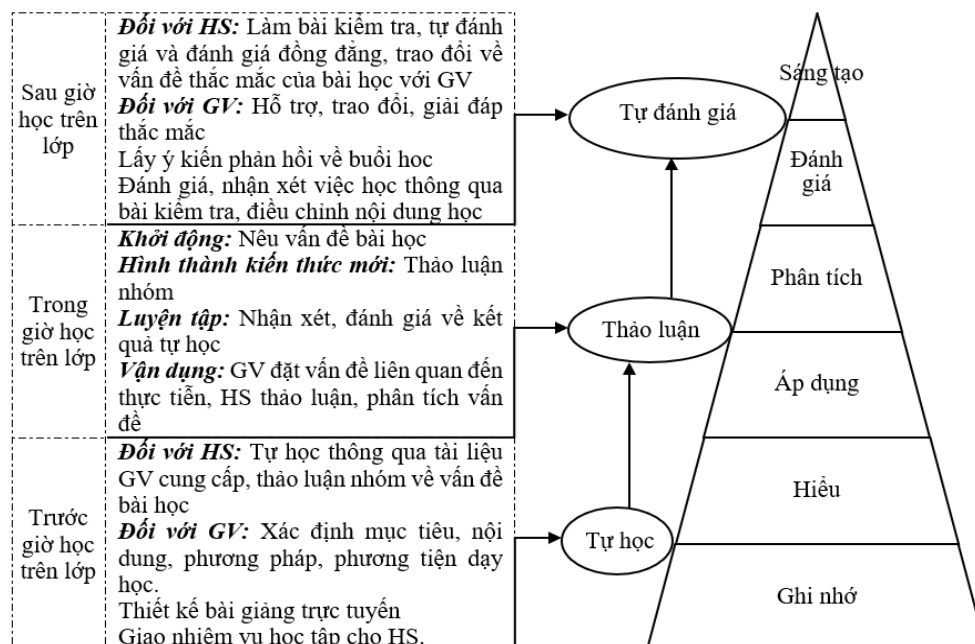


Hình 1. Phân loại của Bloom liên quan đến mô hình lớp học đảo ngược [13]

Như vậy, trong mô hình LHĐN, HS sẽ học các kiến thức lí thuyết trước khi lên lớp thông qua các tài liệu được GV cung cấp trước tại nhà dưới sự hỗ trợ của các công cụ trực tuyến. Sau đó, khi lên lớp, HS báo cáo kết quả tự học, đặt những câu hỏi thắc mắc về nội dung của bài học, cùng thảo luận với GV và các bạn khác. Từ đó, giúp HS mở rộng thêm kiến thức, phát triển năng lực tư duy phản biện và giải quyết vấn đề. Cách học này sẽ giúp HS được trao đổi, hoạt động nhiều hơn và phù hợp với quan điểm dạy học lấy người học làm trung tâm. Sau buổi học, GV sẽ giao nhiệm vụ học tập về nhà như một bài kiểm tra online hoặc giải đáp những thắc mắc của HS sau buổi học, hạn chế được tình trạng không đủ thời gian học trên lớp và phải rút ngắn nội dung kiến thức.

3.2. Quy trình áp dụng mô hình lớp học đảo ngược vào dạy học Địa lí 11 tại trường phổ thông

Thông qua quá trình khảo sát GV bộ môn Địa lí tại 2 trường THPT trên địa bàn TP.HCM, tác giả nhận thấy rằng ở các lớp học truyền thống, việc vận dụng, mở rộng và nâng cao kiến thức trên lớp còn ít, chủ yếu diễn ra dưới dạng bài tập về nhà sau giờ học, điều này sẽ tác động lớn đến quá trình tiếp thu kiến thức của HS. Vì vậy, dựa theo thang phân loại Bloom trong LHĐN và tham khảo các nghiên cứu trước về quy trình của mô hình LHĐN, tác giả đã chọn lọc, thay đổi và đưa ra quy trình áp dụng mô hình LHĐN trong dạy học Địa lí 11 gồm 3 giai đoạn trước giờ học trên lớp, trong giờ học trên lớp và sau giờ học trên lớp được thể hiện qua hình 2.



Hình 2. Sơ đồ quy trình áp dụng mô hình lớp học đảo ngược theo thang Bloom

❖ Quy trình áp dụng mô hình LHDN ở giai đoạn trước giờ học trên lớp

Đây được coi là giai đoạn quan trọng nhất và quyết định sự thành công của mô hình, trong giai đoạn này, GV sẽ quay videos bài giảng hoặc thiết kế bài giảng trực tuyến bằng các phần mềm như Articulate Storyline, iSpring Suite... và giao các nhiệm vụ học tập cho HS. Cụ thể, GV cần xác định được mục tiêu bài học nhằm bảo đảm kết quả đầu ra của bài học là HS sẽ đạt được những kiến thức, năng lực, phẩm chất gì sau khi học xong bài học. Xác định thiết bị, công cụ dạy học trong quá trình thực hiện: trang web giao nhiệm vụ học tập và thông báo tới HS... Sau đó, GV tiến hành thiết kế videos bài giảng hoặc quay videos, lưu ý cần phải bảo đảm nội dung, tài liệu HS học trước ở nhà và những nội dung thảo luận trên lớp bảo đảm phải có tính logic và nâng cao. Ngoài ra, GV cũng sẽ đánh giá sơ bộ thông qua bài kiểm tra trước giờ học trên lớp hoặc trong giờ học trên lớp và đây cũng là cách để GV đốc thúc quá trình tự học tại nhà của HS. Đối với HS cần phải tự học tại nhà bằng cách xem, ghi chép, nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp, hoàn thành nhiệm vụ học tập cá nhân hoặc nhóm (nếu có), đặt các câu hỏi để chuẩn bị cho buổi thảo luận ở trên lớp. Để quá trình trên diễn ra thuận lợi và HS có hứng thú trong học tập Địa lí, GV phải thật sự đầu tư thời gian vào thiết kế bài dạy và gây sự chú ý trong bài học, giao nhiệm vụ học tập sớm cho HS, tránh để tình trạng giao gần ngày buổi học trên lớp diễn ra sẽ ảnh hưởng đến chất lượng buổi học trên lớp. HS nên chuẩn bị những câu hỏi sau khi đọc tài liệu để chuẩn bị cho buổi học trên lớp.

Ví dụ đối với Bài 10: Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, ngoài nhiệm vụ xem videos bài giảng trước giờ học trên lớp, GV có thể giao nhiệm vụ cho HS hoạt động nhóm tại nhà để hình thành vòng chuyên gia, mỗi nhóm sẽ phụ trách tìm hiểu về 1 vấn đề của Trung Quốc như địa hình, khí hậu, sông ngòi, tài nguyên thiên nhiên, dân cư, xã hội.

❖ Quy trình áp dụng mô hình LHDN ở giai đoạn trong giờ học trên lớp

GV tổ chức lớp học theo quy trình 4 bước: Khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập và vận dụng. Tuy nhiên, GV sẽ kết hợp với các hoạt động cụ thể như thảo luận để HS chia sẻ các kiến thức đã tự tìm hiểu tại nhà và giải quyết những vấn đề bài học mới do GV đặt ra.

Ví dụ: Bài 10: Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, hoạt động trong giờ học trên lớp sẽ gồm 4 bước.

- *Hoạt động khởi động*: GV sử dụng áp phích tuyên truyền chính sách một con của Trung Quốc và đặt vấn đề cho HS như sau: Em biết những thông tin gì về chính sách một con của Trung Quốc? Những tác động của chính sách một con đến sự phát triển dân số Trung Quốc hiện nay? Thông qua vấn đề trên, GV có thể kiểm tra khái quát về việc tự học tại nhà của HS.

- *Hoạt động hình thành kiến thức mới*: GV sử dụng kỹ thuật mảnh ghép, tổ chức cho HS hình thành nhóm mảnh ghép sao cho mỗi nhóm đều có các thành viên của nhóm chuyên gia, sau đó các nhóm HS tiến hành thảo luận và vẽ sơ đồ tư duy trình bày về tự nhiên, dân cư và xã hội Trung Quốc trong thời gian quy định, GV lúc này sẽ đóng vai trò là người hướng dẫn HS thảo luận, giải đáp thắc mắc cho các nhóm. Sau đó, GV sử dụng kỹ thuật phòng tranh, phát phiếu đánh giá cho mỗi nhóm để các nhóm lần lượt nhận xét về sơ đồ tư duy và góp ý cho nhóm bạn. Như vậy, HS cũng sẽ được quyền đánh giá, nêu ý kiến của bản thân về kết quả của nhóm khác thông qua bảng tiêu chí đánh giá do GV thiết kế.

- *Hoạt động luyện tập*: HS có thể đặt các câu hỏi liên quan đến nội dung tự học hoặc nội dung thảo luận của nhóm bạn, GV và HS cùng thảo luận để đưa ra đáp án phù hợp nhất, thông qua hoạt động, HS có thể ghi nhớ, phân tích và mở rộng thêm kiến thức của bản thân.

- *Hoạt động vận dụng*: Đây là hoạt động quan trọng, xuyên suốt trong buổi học, GV có thể đặt ra vấn đề cho HS giải quyết, HS sẽ thảo luận nhóm và đưa ra hướng giải quyết cho vấn đề. Trong bước này, yêu cầu GV phải có kiến thức chuyên môn vững để giải đáp những kiến thức của HS, đồng thời hướng dẫn HS cách ghi chép bài, tổng hợp nội dung học bằng sơ đồ tư duy. Cách dạy này sẽ củng cố, nâng cao kỹ năng mềm, cách học qua bản đồ tư duy. Đây sẽ là những nền tảng cơ bản để sau này HS có thể tự tổng hợp, khái quát được nội dung học tập theo cách hiểu cá nhân.

Ví dụ: Sau khi các nhóm nhận xét về sơ đồ tư duy, chia sẻ về kiến thức tự học tại nhà, GV đặt vấn đề cho HS: Hiện nay Trung Quốc đang đối mặt với vấn đề già hóa dân số, từ những kiến thức

đã học và hiểu biết cá nhân, em hãy nêu những tác động của già hóa dân số đến phát triển kinh tế - xã hội ở Trung Quốc và một số chính sách ứng phó của chính phủ đối với vấn đề già hóa dân số.

❖ **Quy trình áp dụng mô hình LHDN ở giai đoạn sau giờ học lên lớp**

HS kiểm tra lại kiến thức đã học trong giờ học và tự tìm hiểu mở rộng, sau đó sẽ phản hồi thông qua lớp học trực tuyến và GV tiếp tục hỗ trợ giải đáp thắc mắc của HS về nội dung bài học. Sau tiết học HS cần làm bài kiểm tra hoặc bài tập tình huống giúp HS tự đánh giá về việc tiếp nhận kiến thức, kỹ năng của bản thân. Nhằm tăng sự hứng thú trong học tập, GV có thể thiết kế các bài kiểm tra dưới dạng các trò chơi bằng phần mềm như Kahoot!, Quizizz... Đặc biệt, GV cần có thêm phiếu tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng cho HS, lấy ý kiến phản hồi của HS về buổi học từ đó điều chỉnh phương pháp dạy học và khối lượng kiến thức phù hợp với lớp học. GV sẽ tiếp tục thiết kế bài giảng trực tuyến, nhiệm vụ học tập và HS sẽ tự học tại nhà nhằm chuẩn bị kiến thức cho buổi học tiếp theo.

Như vậy quá trình vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn sẽ diễn ra ở cả giai đoạn trong và sau giờ học, GV không nhắc lại nội dung kiến thức đã học mà chỉ đóng vai trò hỗ trợ, HS sẽ chủ động tìm kiếm và hệ thống lại kiến thức. Sở dĩ tác giả đưa ra quy trình dạy học như trên là bởi vì GV cần nắm rõ hơn về cách xác định các mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học nhằm giúp HS nâng cao kết quả học tập, việc đưa ra những nhiệm vụ học tập ngẫu nhiên sẽ khiến kết quả HS đạt được không như mong đợi. Tăng cường khả năng làm việc nhóm ngoài giờ học nhằm nâng cao năng lực giao tiếp và hợp tác, nâng cao ý thức của HS.

3.3. Kết quả thực nghiệm sư phạm

Trong bài nghiên cứu, tác giả tiến hành TN tại Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai trên hai cấp lớp TN và ĐC. Lớp TN và ĐC được lựa chọn có sự tương đồng trong kết quả học tập, trình độ nhận thức và sĩ số đồng đều nhau (39 HS). Tác giả xây dựng hai kế hoạch bài dạy khác nhau trên cùng một bài: Bài 10 – Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Tiết 1: Tự nhiên, dân cư và xã hội), chương trình Địa lí 11. Trong đó, một kế hoạch bài dạy được xây dựng theo mô hình lớp học truyền thống được thực hiện tại lớp ĐC và một kế hoạch bài dạy được xây dựng theo quy trình mô hình LHDN được thực hiện tại lớp TN. Để đánh giá khả năng tiếp thu bài học của HS hai lớp ĐC và lớp TN, tác giả đã thiết kế câu hỏi kiểm tra sau bài TN cho cả hai lớp và kết quả được thể hiện ở bảng 1. Đồng thời, tác giả thiết kế thêm 08 câu hỏi nhằm đánh giá thái độ của HS ở lớp TN khi tham gia tiết học xây dựng theo mô hình LHDN được thể hiện thông qua bảng 2.

Bảng 1. Kiểm định giả thuyết về trị trung bình điểm của hai lớp TN và ĐC

Test Value = 0						
	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
					Lower	Upper
TN	48.097	38	.000	8.436	8.08	8.79
ĐC	38.914	38	.000	7.282	6.90	7.66

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát của tác giả, 2023)

Với kết quả của bảng 1, điểm trung bình ở lớp TN ($M=8.436$) điểm lớn hơn so với lớp ĐC đạt ($M=7.282$) với sự chênh lệch điểm trung bình giữa lớp ĐC và TN là $M=1.153$. Ngoài ra, kiểm định định One-Samples T-Test được thực hiện nhằm đánh giá thực sự có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa 2 lớp TN và ĐC sau quá trình tác động hay không. Kết quả cho thấy, các giá trị trong cột Sig. (2-tailed) đều nhỏ hơn 0.05, nên tác giả kết luận có sự khác biệt có ý nghĩa về trị trung bình cộng của hai lớp TN và lớp ĐC hay sự khác biệt về điểm số của hai lớp không phải là ngẫu nhiên.

Ngoài việc giúp nâng cao kết quả học tập, thái độ học tập của HS trong lớp TN có chiều hướng tích cực, hứng thú hơn khi các em được nêu ra ý kiến của bản thân, được thảo luận nhiều hơn, điều này đã giúp tiết học trở nên sôi nổi, HS có cơ hội tương tác nhiều hơn với GV và các bạn trong lớp, từ đó giúp HS có niềm tin với việc học và có hứng thú hơn khi học tập môn địa lí.

Bảng 2. Kết quả đánh giá kiểm định Descriptive Statistics về thái độ của người học ở lớp TN

Câu hỏi	N	Min	Max	Mean	Std (SD)
Mức độ cải thiện khả năng làm việc nhóm của em cao hơn.	39	1.0	5.0	3.89	0.994
Khả năng tiếp thu kiến thức trong LHĐN của em tốt hơn lớp học truyền thống	39	1.0	5.0	4.08	0.956
Em cảm thấy hứng thú hơn khi học LHĐN.	39	1.0	5.0	3.85	0.960
Em được hoạt động nhiều hơn trong LHĐN.	39	1.0	5.0	3.49	0.884
Em nhận được nhiều phản hồi hữu ích của GV khi tham dự LHĐN.	39	1.0	5.0	3.62	0.962
Em được giải đáp các thắc mắc liên quan đến nội dung bài học nhiều hơn các lớp học truyền thống	39	1.0	5.0	4.03	0.959
LHĐN mang đến cho em nhiều cơ hội tương tác đối với GV và các bạn trong lớp	39	1.0	5.0	3.72	0.944
Em thấy giờ học trong LHĐN hiệu quả hơn so với lớp học truyền thống	39	1.0	5.0	3.77	0.985
Trung bình				3.80	0.956

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát của tác giả, 2023)

Bảng 2 cho thấy thái độ của người học khi tham gia tiết học theo mô hình LHĐN, có thể thấy giá trị trung bình là 3.80 (SD= 0.956) cao hơn rất nhiều so với thang điểm 3 trên thang điểm 5 của bảng câu hỏi. Điều đó cho thấy, HS có thái độ rất tích cực đối với tiết học theo mô hình LHĐN. Trong đó HS cho rằng việc tiếp thu kiến thức trong LHĐN tốt hơn lớp học truyền thống với giá trị trung bình là 4.08 (SD=0.956), đồng thời HS được giải đáp các thắc mắc liên quan đến nội dung bài học ở LHĐN nhiều hơn các lớp học truyền thống (M=4.03, SD=0.959). Ngoài ra, HS cũng có cái nhìn rất tích cực về mức độ cải thiện khả năng làm việc nhóm tốt hơn (M=3.89, SD=0.994), hứng thú hơn khi học LHĐN (M=3.85, SD=0.960), có cơ hội tương tác đối với GV và các bạn trong lớp cao hơn (M=3.72, SD=0.944). Mặt khác, một số HS có thấy việc hoạt động trong LHĐN còn có hạn chế hơn mặc dù M=3.49, điều này có thể khắc phục bằng cách GV nên có những sắp xếp về không gian lớp giúp cho hoạt động nhóm học tập của HS được diễn ra thuận lợi và tích cực hơn.

Từ kết quả TN trên có thể kết luận rằng việc áp dụng mô hình LHĐN trong dạy học Địa lí 11 nhằm nâng cao kết quả học tập ở trường phổ thông có hiệu quả tốt hơn so với việc dạy học theo mô hình lớp học truyền thống.

3.4. Ưu điểm và nhược điểm của mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học Địa lí 11 tại trường phổ thông

3.4.1. Ưu điểm

Mô hình LHĐN là phương thức tổ chức dạy học đã và đang chứng tỏ được sự phù hợp trong việc tổ chức dạy học theo hướng phát triển năng lực của người học hiện nay. Thông qua quá trình tìm hiểu và TN sư phạm, tác giả nhận thấy mô hình này có nhiều tác động tích cực đối với HS nhờ tạo ra được môi trường học tập hấp dẫn, linh hoạt, phù hợp với mọi trình độ, giúp việc học có hiệu quả và ý nghĩa hơn. Giúp HS chủ động hơn trong học tập vì khi xem trước bài giảng ở nhà, HS sẽ có thời gian hiểu bài, nghiên cứu về kiến thức mới. Thông qua việc tìm hiểu và đặt câu hỏi, HS không bị bỏ lỡ khi tiếp nhận thông tin của GV khi ở trên lớp. Bên cạnh đó, cách nhìn nhận, hiểu biết kiến thức của HS sẽ trở nên sinh động hơn khi HS chủ động học, không bị chi phối bởi quan điểm của GV. Khi trao đổi tại lớp, mỗi HS sẽ được trình bày suy nghĩ của mình, theo đó cũng sẽ được tiếp nhận ý tưởng của những người khác, giúp hiểu thông tin bài học một cách sâu sắc và đa chiều. GV sẽ đóng vai trò chuẩn hóa và mở rộng kiến thức nhằm hướng HS đến cách hiểu bài đúng.

Ngoài ra, mô hình LHĐN còn giúp HS dành nhiều thời gian để trau dồi các kỹ năng, thông qua việc thảo luận nhóm sẽ kích thích HS cùng nhau học các kiến thức mới, dưới sự dẫn dắt bài học của GV. Thông qua việc tự làm chủ quá trình học tập của bản thân, HS có thể sở hữu những kiến thức đã đạt được chứ không chỉ học thuộc lòng như một dạng kiến thức suông, từ đó, có thể vận dụng

kiến thức bài học vào thực tiễn. Bài học và nội dung dễ tiếp cận hơn, miễn là các em có quyền truy cập công nghệ và có định hướng vấn đề bài học từ GV, điều đó sẽ làm giảm khoảng cách học khi HS nghỉ học nhiều. Nhờ vào các lớp học trực tuyến, mức độ tương tác giữa GV và HS sẽ được cải thiện hơn khi HS có thể đặt câu hỏi trực tuyến và GV hỗ trợ giải đáp thắc mắc sẽ giúp hiệu suất học tập của HS tăng cao, từ đó giúp HS cảm thấy dễ dàng hơn trong việc tự học khi có GV hướng dẫn. Việc ứng dụng công nghệ thông tin sẽ giúp GV có thể sáng tạo nhiều hơn thông qua các bài giảng trực tuyến do chính bản thân mình biên soạn, chú trọng vào các nội dung chính, phù hợp với năng lực của HS. Nội dung bài dạy sẽ thuộc quyền sở hữu của GV, họ có thể lưu trữ và sử dụng cho nhiều khóa học sau. Trong giờ học trên lớp, GV có thể tổ chức được các hoạt động dạy học hiệu quả hơn mà không bị gò bó về mặt thời gian, GV có thể tổ chức lớp học thành buổi thảo luận hay thực hành để HS được chủ động chia sẻ nhiều hơn thay vì phải dạy học một chiều.

3.4.2. Nhược điểm

Tuy nhiên, việc áp dụng mô hình LHĐN vào thực tế giảng dạy vẫn còn một số nhược điểm và có thể dẫn đến phản tác dụng đối với HS nếu GV chưa hiểu rõ được quy trình áp dụng mô hình LHĐN. Đặc biệt là ở giai đoạn đầu khi thực hiện mô hình này, GV cần phải dành nhiều thời gian để thiết kế bài dạy trực tuyến như quay videos, ghi âm và chỉnh sửa nội dung bài giảng tại nhà sao cho hấp dẫn, GV cần nỗ lực hơn trong việc đốc thúc các em tham gia quá trình học trước giờ học trên lớp. Điều này sẽ làm tăng thêm công việc cho GV, bởi mô hình này đòi hỏi sự tích hợp rất cẩn thận để lớp học được duy trì và phát triển, nhất là trong giai đoạn đầu khi HS chưa quen với việc tự học bài mới tại nhà, GV cần thúc giục HS nhiều hơn, đưa ra quy định để bảo đảm quá trình tự học tại nhà của HS là hiệu quả và tiếp thu được kiến thức nền tảng nhằm phục vụ cho giờ học trên lớp. Việc kết nối các thành viên trong lớp để các em làm việc nhóm là một việc hết sức khó khăn, bởi nhiều HS vẫn quen với cách học độc lập, khả năng làm việc nhóm chưa tốt vì vậy nếu GV không kết nối được các em sẽ dẫn đến kết quả làm việc nhóm không được như mong đợi.

Đối với HS, mô hình này đòi hỏi HS phải có tính chủ động trong học tập rất cao, phải tìm hiểu các vấn đề trước tại nhà, làm các bài tập cấp thấp và đặt câu hỏi cho GV. Điều này dẫn đến tình trạng đa số HS khi mới bắt đầu học sẽ cảm thấy tốn thời gian, không tập trung được khi tự học và chưa định hướng được cách tự học hiệu quả.

Mặc dù còn tồn tại một số vấn đề trong việc áp dụng mô hình LHĐN vào dạy học Địa lí 11, tuy nhiên, nếu GV có thể nắm vững được quy trình áp dụng mô hình LHĐN vào dạy học Địa lí và xây dựng được kế hoạch bài dạy chặt chẽ, đảm bảo được thì đây vẫn là một mô hình dạy học giúp nâng cao kết quả học tập của HS.

4. Kết luận

Mô hình LHĐN là mô hình dạy học kết hợp nhằm khắc phục những nhược điểm của mô hình lớp học trực tuyến và mô hình lớp học truyền thống. Học LHĐN, HS sẽ dành nhiều thời gian hoạt động hợp tác, trao đổi từ đó phát triển được năng lực, các kỹ năng cần thiết như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng diễn đạt, kỹ năng làm việc nhóm... Để áp dụng được mô hình LHĐN một cách hiệu quả GV cần nắm rõ quy trình thực hiện, hiểu được ưu và nhược điểm của mô hình cũng như không ngừng nâng cao vốn hiểu biết của bản thân. Thông qua kết quả học tập của lớp TN và lớp ĐC có thể thấy rằng LHĐN đã mang lại hiệu quả tích cực với người học không chỉ kiến thức trên lớp mà còn thay đổi thái độ học tập khi tham gia học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] F. Ozdamli and G. Asiksoy, "Flipped classroom approach," *World Journal on Educational Technology*, vol. 8, no. 2, pp. 98-105, 2016.
- [2] M. N. Heng, "Mok. Teaching tip: The flipped classroom," *Journal of Information Systems Education*, vol. 25, no. 1, pp. 7-11, 2014.
- [3] J. Bergmann and A. Sams, *Flip Your Classroom*, International Society for Technology in Education, The United States of America, 2012.

-
- [4] O. C. Falode and I. A. Mohammed, "Improving students' geography achievement using computer simulation and animation packages in flipped classroom settings," *Journal of Digital Educational Technology*, vol. 3, no. 2, pp. 1-7, 2023.
- [5] M. G. Zeren, "The flipped geography lecture," *Marmara Coğrafya Dergisi*, no. 33, pp. 25-57, 2016.
- [6] J. F. Strayer, *The effects of the classroom flip on the learning environment: a comparison of learning activity in a traditional classroom and a flip classroom that used an intelligent tutoring system*, The Ohio State University, pp. 178-200, 2007.
- [7] S. A. Ezeudu1 and G. O. Gbendu, "Effect Of Flipped Classroom Strategy On Students' Attitude Towards Secondary School Geography: Implications For Entrepreneurship Education In Nigeria," *International Journal of Studies in Education*, vol. 16, no. 2, pp. 38-51, 2019.
- [8] Q. V. Nguyen and T. M. T. Le, "Applying "Flipped classroom" model in teaching "digital" to improve students' capacity of creative thinking," *Ho Chi Minh City University of Education - Journal Of Science*, vol. 14, no. 2, pp. 16-28, 2017.
- [9] V. T. Vu, "Evaluation and application of flipped classroom model in teaching English for non-specialists at Hanoi Law University," *Vietnam Journals Online - VJOL*, vol. 16, no. 12, pp. 151-160, 2022.
- [10] T. B. H. Tran, "The flipped classroom model of the Blended Learning method and suggesting for the inevitable teaching method in the digital transformation of higher education today," *HCMCOUJS*, vol. 17, no. 7, pp. 136-144, 2022.
- [11] S. Vereş and A.-D. Muntean, "The Flipped Classroom as an Instructional Model," *Romanian Review of Geographical Education*, vol. 10, no. 1, pp. 56-67, 2021.
- [12] B. Mull, "NovemberLearning.com," 2012. [Online]. Available: <https://novemberlearning.com/wp-content/uploads/2012/10/flipped-learning-a-response-to-five-common-criticisms.pdf>. [Accessed May 10, 2023].
- [13] P. Giménez and F. Jesús, *Bloom's taxonomy in the Flipped Classroom model*, Orientación educativa, pp. 176-179, 2017.
- [14] K. Ay and G. Dağhan, *The effect of the flipped learning approach designed with a community of inquiry model to the development of students' critical thinking strategies and social, teaching and cognitive presences*, Education and Information Tech, 2023.